

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: **07/2023/KDTM-ST**
Ngày: 25 - 5 - 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hoá”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Hậu

Ông Võ Văn Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH nước giải khát N.

Địa chỉ: Cao ốc Sheraton số 88 đường Đồng Khởi, phường N, Quận 1, thành phố M.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Tổng giám đốc.

Công ty TNHH nước N ủy quyền cho Công ty Luật TQT (văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TQT: Ông Trương Quốc T.

Công ty Luật TQT ủy quyền lại cho ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1995 (văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022).

Địa chỉ: Số 237/8 phường D, phường 8, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty TNHH nước giải khát H.

Địa chỉ: Tổ 20, khu phố 3A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Thu H – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tổ 16, khu phố 3A, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Ngày 04 tháng 9 năm 2017, Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát N tại Đồng Nai (gọi tắt là SPVB) và Công ty TNHH Nước giải khát H (gọi tắt là Công ty Thu H) ký kết Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm LDMS.131.2017.0012 để phân phối các sản phẩm nước giải khát (sau đây gọi chung là Hợp đồng NPP).

Sau khi ký kết hợp đồng NPP, Công ty Thu H là nhà phân phối các loại sản phẩm nước giải khát của SPVB. SPVB bán hàng cho Công ty Thu H theo hình thức mua trả chậm và cho mượn vỏ két, pallet...(bao bì). Hạn mức trả chậm, thời gian trả chậm tùy vào hiệu quả kinh doanh của Công ty Thu H phù hợp chính sách bán hàng trả chậm của SPVB và được SPVB thông báo nhà phân phối Thu H trong từng thời kỳ. Việc hoàn trả vỏ két cũng được áp dụng theo chính sách tương ứng của SPVB. Trong trường hợp Hợp đồng NPP chấm dứt, bên mua hàng phải thanh toán nghĩa vụ trả nợ tiền hàng theo chính sách mua hàng trả chậm và hoàn trả bao bì mượn ngay khi hợp đồng chấm dứt căn cứ theo Thư nhắc nợ SPVB gửi cho Công ty Thu H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, SPVB đã giao các sản phẩm và xuất các hóa đơn cho Công ty Thu H. Ngày 10/5/2021, Công ty Thu H có đơn đề nghị chấm dứt Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số LDMS.131.2017.0012. Trong đơn đề nghị chấm dứt Hợp đồng đại lý, Công ty Thu H cam kết thanh toán đầy đủ các khoản công nợ cho SPVB đến ngày 10/5/2021 là 2.400.975.205 đồng. Do đó, Hợp đồng trên được chấm dứt kể từ ngày 10/5/2021.

Ngày 11/5/2021, SPVB và Công ty Thu H đã lập xác nhận công nợ. Nội dung xác nhận công nợ thể hiện tính đến ngày 11/5/2021, Công ty Thu H còn nợ SPVB bao gồm: tiền hàng 2.400.975.205 đồng và pallet, vỏ chai, két nhựa. Sau đó, Công ty Thu H đã hoàn trả toàn bộ pallet, vỏ chai, két nhựa cho SPVB và SPVB đã hỗ trợ giảm trừ công nợ ở một số khoản để tạo điều kiện cho Công ty Thu H trả nợ với số tiền giảm trừ là: 475.131.836 đồng. Hiện tại, Công ty Thu H còn nợ SPVB số tiền 1.925.843.369 đồng. Hơn một năm qua, Công ty Thu H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại.

Vì vậy, SPVB khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Nước giải khát H phải thanh toán cho Công ty TNHH nước giải khát N một lần và toàn bộ số tiền hàng còn nợ là 1.925.843.369 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng), không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền gốc, nhưng yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 25/5/2023, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày sau khi lập thư xác nhận công nợ ngày 11/5/2021 thì Công ty Thu H đã hoàn trả toàn bộ pallet, vỏ chai, két nhựa cho SPVB. Ngày 19/5/2021, hai bên có lập biên bản làm việc xác định số tiền Công ty Thu H còn nợ SPVB là 2.209.558.970 đồng. Theo nội dung làm việc thể hiện trường hợp Công ty Thu H cung cấp được đầy đủ các

chứng từ thể hiện kinh doanh hiệu quả thì sẽ được SPVB giảm trừ số tiền 308.317.948 đồng. Tuy nhiên, Công ty Thu H đã không cung cấp được các chứng từ. Vì vậy, SPVB xác định Công ty Thu H vẫn còn nợ tiền hàng chưa thanh toán là 2.209.558.970 đồng và đồng ý giảm trừ cho Công ty Thu H số tiền 283.715.601 đồng mặc dù Công ty Thu H không cung cấp được các chứng từ để đủ điều kiện giảm trừ. Đối với số tiền hàng còn nợ, số tiền giảm trừ được nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện và những lời khai trước đây là không chính xác. Vì vậy, tại lời khai này, đại diện cho nguyên đơn ông H xác nhận Công ty Thu H còn nợ SPVB là 2.209.558.970 đồng và số tiền Công ty Thu H được SPVB giảm trừ là 283.715.601 đồng.

Đồng thời Công ty TNHH nước giải khát N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Nước giải khát H phải thanh toán cho Công ty TNHH nước giải khát N một lần và toàn bộ số tiền hàng còn nợ là 1.925.843.369 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng), không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền gốc, nhưng yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

* Công ty TNHH Nước giải khát Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn vắng mặt nhưng không có đơn xin giải quyết vắng mặt, không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH nước giải khát N buộc Công ty TNHH Nước giải khát H phải thanh toán cho Công ty TNHH nước giải khát V một lần và toàn bộ số tiền hàng còn nợ là 1.925.843.369 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng) và lãi suất chậm thanh toán theo quy định pháp luật.

Công ty TNHH Nước giải khát Thu H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH nước giải khát N uỷ quyền cho ông Nguyễn Đình H thay mặt tham gia tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty TNHH Nước giải khát Thu H nhưng đại diện hợp pháp của Công ty TNHH Nước giải khát Thu H không đến Toà án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận

công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên toà xét xử mà không có lý do. Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Công ty TNHH nước giải khát N khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty TNHH Nước giải khát H thanh toán tiền hàng còn nợ theo Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm LDMS.131.2017.0012 ngày 04 tháng 9 năm 2017 được ký giữa Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát N tại Đồng Nai (gọi tắt là SPVB) và Công ty TNHH Nước giải khát H (gọi tắt là Công ty Thu H). Vì vậy quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở tại phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Do đó, Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty Thu H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đại diện của Công ty Thu H vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, chứng cứ phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, Công ty Thu H đã tự từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Thu H. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Chi nhánh Công ty TNHH Nước giải khát N tại Đồng Nai và Công ty TNHH Nước giải khát H ký kết Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm LDMS.131.2017.0012 ngày 04 tháng 9 năm 2017. Nội dung hợp đồng thể hiện Công ty Thu H là đại lý phân phối các sản phẩm nước giải khát của SPVB (sau đây gọi chung là Hợp đồng NPP). Trường hợp Hợp đồng NPP chấm dứt, bên mua hàng phải thanh toán nghĩa vụ trả nợ tiền hàng theo chính sách mua hàng trả chậm và hoàn trả bao bì mượn ngay khi hợp đồng chấm dứt căn cứ theo Thư nhắc nợ SPVB gửi cho Công ty Thu H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, SPVB đã giao các sản phẩm và xuất các hóa đơn cho Công ty Thu H. Ngày 10/5/2021, Công ty Thu H có đơn đề nghị chấm dứt Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm số LDMS.131.2017.0012. Trong đơn đề nghị chấm dứt Hợp đồng đại lý, Công ty Thu H cam kết thanh toán đầy đủ các khoản công nợ cho SPVB đến ngày 10/5/2021 là 2.400.975.205 đồng và Hợp đồng NPP được chấm dứt kể từ ngày 10/5/2021.

Căn cứ vào giấy xác nhận công nợ lập ngày 11/5/2021 thể hiện Công ty Thu H còn nợ SPVB bao gồm: tiền hàng 2.400.975.205 đồng và pallet, vỏ chai, két nhựa. Sau đó, Công ty Thu H đã hoàn trả toàn bộ pallet, vỏ chai, két nhựa cho SPVB. Ngày 19/5/2021, hai bên có lập biên bản làm việc xác định số tiền Công ty Thu H còn nợ SPVB là 2.209.558.970 đồng. Hiện nay Công ty TNHH nước giải khát N đồng ý giảm trừ cho Công ty Thu H số tiền 283.715.601 đồng mặc dù Công ty Thu H không cung cấp được các chứng từ thể hiện đủ điều kiện giảm trừ.

Việc SPVB xác định Công ty Thu H còn nợ số tiền 2.209.558.970 đồng và đồng ý giảm trừ cho Công ty Thu H số tiền 283.715.601 là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Sau khi căn trừ khoản giảm trừ, hiện nay Công ty Thu H còn nợ SPVB số tiền 1.925.843.369 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH nước giải khát N yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Nước giải khát H phải thanh toán cho Công ty TNHH nước giải khát N một lần và toàn bộ số tiền hàng còn nợ 1.925.843.369 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng) là có căn cứ chấp nhận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Công ty TNHH nước giải khát N không yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán tiền gốc là có lợi cho bị đơn; Đối với yêu cầu tính lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thì hành án là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, căn cứ theo qui định tại các Điều 430, 431, 432, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 24, 50, 306 của Luật thương mại năm 2005 và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH nước giải khát N, buộc Công ty TNHH Nước giải khát H phải thanh toán tiền hàng còn nợ cho Công ty TNHH nước giải khát N số tiền gốc 1.925.843.369 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty TNHH Nước giải khát H phải chịu số tiền án phí sơ thẩm: 36.000.000 đồng + 3%(1.925.843.369 đồng – 800.000.000 đồng)= 69.775.301 đồng (Sáu mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ một đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH nước giải khát N số tiền 34.887.651 (Ba mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005314 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 24, 50, 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH nước giải khát N.

Buộc Công ty TNHH Nước giải khát H phải thanh toán cho Công ty TNHH nước giải khát N tổng số tiền nợ gốc 1.925.843.369 đồng (Một tỷ, chín trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi chín đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Nước giải khát H phải chịu 69.775.301 đồng (Sáu mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn, ba trăm lẻ một đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH nước giải khát N số tiền 34.887.651 (Ba mươi bốn triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, sáu trăm năm mươi một đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005314 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND TP Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

